

**地坪工程品質自主檢查表 Danh sách kiểm tra độc lập về chất lượng dự án**

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY LẮP ĐIỆN CƠ HOÀNG GIA 越南皇家工程有限公司

檢驗日期 Ngày kiểm tra :

年 năm

月 tháng

日 ngày

| 工程名稱 Tên công ty         |                           | Công ty TNHH Hùng Vỹ 雄偉責任有限公司                                       |  |      | 檢驗區域 Khu vực thanh tra |                                      |      |                     |  |  |
|--------------------------|---------------------------|---|--|------|------------------------|--------------------------------------|------|---------------------|--|--|
| 工程項目 Hạng mục công trình |                           | Thi công đánh bóng tăng cứng nền 1F~4F 施工晶化地坪                       |  |      | 圖號 Số bản vẽ           |                                      |      |                     |  |  |
| 類別 Hạng mục              | 檢驗項目 Hạng mục kiểm nghiệm | 檢驗標準 Tiêu chuẩn nghiệm thu  | 承商自主檢查 Kiểm tra độc lập bởi nhà thầu   |      |                        | 監造自主檢查 Tự kiểm tra giám sát sản xuất |      |                     |  |  |
|                          |                           |   | 是 YES  | 否 NO | 檢驗記錄 hồ sơ kiểm tra    | 是 YES                                | 否 NO | 檢驗記錄 hồ sơ kiểm tra |  |  |
| 裝修工程 CÔNG TRÌNH CẢI TẠO  | 施工前 thi công trước        | 材料及另料尺寸規格 Thông số kỹ thuật về kích thước vật liệu và vật liệu khác | 依裝修圖設計核對 Kiểm tra theo thiết kế bản vẽ trang trí   |      |                        |                                      |      |                     |  |  |
|                          |                           | 設備機具是否符合定 Thiết bị có đáp ứng yêu cầu hay không                     | 依目視 Bằng thị giác  |      |                        |                                      |      |                     |  |  |
|                          |                           |   |  |      |                        |                                      |      |                     |  |  |
|                          | 施工中 trong thi công        | 現場是否清潔 Nó có sạch không   | 依目視 Trực quan  |      |                        |                                      |      |                     |  |  |
|                          |                           | 現場是否填補坑洞 Lắp ổ gà   | 依目視 Trực quan  |      |                        |                                      |      |                     |  |  |
|                          |                           | 是否依照工藝施工 Các bước thi công  | Đĩa nhựa 150 đánh nước 02 lần; Lên chất lỏng tăng cứng; Đĩa nhựa 300 đánh nước 02 lần; Lên chất lỏng đánh bóng; Đĩa nhựa 2000 đánh khô 02 lần; Dùng pad 3000 đánh bóng.<br>150 目樹脂磨片水磨 2 遍→灑硬化劑→300 目樹脂磨片水磨 2 遍→灑拋光液→2000 目樹脂磨片干磨 2 遍→3000 目獸毛墊拋光。 |      |                        |                                      |      |                     |  |  |
|                          | 施工後 Sau thi công          | 外觀是否正常有無傷損 Ngoại hình có bình thường không                          | 依目視 Trực quan  |      |                        |                                      |      |                     |  |  |
|                          |                           | 現場是否清潔 Nó có sạch không   | 依目視 Trực quan  |      |                        |                                      |      |                     |  |  |
|                          |                           | 需 7 天硬化後方可使用 Phải mất 7 ngày để đông cứng trước khi sử dụng         | 警示管制 Kiểm soát thông báo   |      |                        |                                      |      |                     |  |  |

業主 Chủ nhân

監造單位 Đơn vị giám sát sản xuất

工地主任 Giám đốc địa điểm

品管工程師 Kỹ sư kiểm soát chất lượng

製表人 Điền thông tin